TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DSST
Ngày 11-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thanh Mai
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám
Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 683/2023/TLST- DS ngày 21 tháng 11 năm 2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXX-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HPT ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Thông báo mở phiên tòa số 09/2014/TB-MPT ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hải Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: 542/52/9 đường Trần Phú, Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện hợp pháp cho ông Lê Hải Đ: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1982; Trú tại: 2/5/1 đường Đống Đa, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hải Đ (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Thế T, sinh năm 1975

Địa chỉ: 294/37B đường Trần Phú, Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị Mỹ T1, sinh năm 1994

Địa chỉ: 419 đường Trần Phú, Phường 5, thành phố Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1990

Địa chỉ: 542/52/9 đường Trần Phú, Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-7-2023, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Hải Đ và người đại diện hợp pháp của ông Lê Hải Đ là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày như sau:

Đầu tháng 5/2022, do có mối quen biết từ những người cùng làm ăn nên khi ông T ngỏ lời vay tiền của ông Lê Hải Đ phục vụ công việc, ông Đ đã cho ông T vay số tiền 1.050.000.000 đồng (*Một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng)*. Những lần ông Đ cho ông T vay tiền sẽ chuyển cho ông T bằng cách chuyển qua Ngân hàng và giao tiền mặt trực tiếp. Do ông Đ không dùng tài khoản nên ông đã nhờ một người em chuyển khoản giúp, người em tên là Đỗ Thị Mỹ T1, tiền được chuyển theo hình thức như sau:

Hình thức giao tiền mặt: Ông Đ giao tiền mặt trực tiếp cho ông T 300.000.000 đồng.

Chuyển tiền bằng tài khoản của bà T1: Tài khoản số 949494949 chuyển qua tài khoản của T số 6090205021695, cụ thể:

Lần 1: Ông Đ chuyển khoản qua ngân hàng ngày 13/05/2022: 100.000.000 đồng.

Lần 2: Ông Đ chuyển khoản qua ngân hàng 01/06/2023: 200.000.000 đồng.

Lần 3: Ông Đ chuyển khoản qua ngân hàng ngày 11/06/2022: 100.000.000 đồng.

Lần 4: Ông Đ chuyển khoản qua ngân hàng 06/07/2022: 50.000.000 đồng.

Lần 5: Ông Đ chuyển khoản qua ngân hàng ngày 06/07/2022: 300.000.000 đồng.

Tổng cộng: 1.050.000.000 đồng *(Một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng).*

Giấy vay nợ: hai bên không lập và tiền lãi: Không cam kết

Khoảng tháng 8-2022, T đã trả cho ông Đ 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng)* và rồi ông T đã không trả thêm cho ông Đ bất kỳ khoản tiền nào nữa.

Đã nhiều tháng trôi qua ông Đ dùng các hình thức liên lạc để ông T thanh toán khoản nợ cho ông Đ nhưng ông T không hợp tác và cho rằng có vay nợ ông Đ nhưng đã trả rồi. Dù ông T không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh ông Đ đã nhận tiền (*như ghi âm, ký nhận, phiếu thu chi, chuyển khoản…)*.

Tháng 6-2023, ông Đ đã tố cáo hành vi dối trá của ông T ra Công an, tại Công an, ông T đã thừa nhận việc có vay nợ ông Đ nhưng ông vẫn gian dối cho rằng có mượn nhưng đã trả nợ cho ông Đ rồi. Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã hướng dẫn ông Đ khởi kiện ông T ra Tòa án để nhờ Tòa bảo vệ lợi ích cho mình.

Ông Đ xác định, toàn bộ số tiền ông Đ cho ông T vay trong vụ án này là tài sản chung của ông Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 vì ông Đ và bà Ngọc T1 là vợ chồng hợp pháp vào thời điểm cho ông T vay và ngày 25-7-2023 mới có quyết định ly hôn. Số tiền 750.000.000 đồng chuyển khoản cho ông T vay là tiền ông Đ nhờ bà Đỗ Thị Mỹ T1 chuyển giúp vì thời điểm đó ông Đ không có số tài khoản, sau đó ông Đ đã trả lại số tiền này cho Mỹ T1. Lý do lời khai của ông Đ khác với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là do người đại diện theo ủy quyền không trao đổi

hỏi ý kiến ông Đ nội dung này nên đã tự khai, tương tự nội dung nói ông Đ còn độc thân.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng cho ông T vay bằng tiền mặt, ông Đ đã có đơn xin rút yêu cầu đối với số tiền này.

Ông T trình bày có quan hệ làm ăn chung với ông Lê Hải Đ, cùng góp tiền để kinh doanh hải sản để bỏ mối cho các Nhà hàng và có đưa nhiều lần cho Đ với tổng số tiền khoảng 1.180.000.000 đồng, về vấn đề này đề nghị ông T cung cấp chứng cứ chứng minh.

Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu như sau:

Yêu cầu ông Trần Thế T trả cho ông Lê Hải Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 số tiền nợ tiền gốc đã vay là 650.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 650.000.000 đồng theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 20-8-2022 đến ngày Tòa xét xử (tạm tính đến ngày 20-7-2023, tính tròn 12 tháng) là: 650.000.000 đồng * 1% * 12 = 78.000.000 đồng.

Như vậy: Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông T phải trả cho ông Đ và bà Ngọc T1 là: 728.000.000 đồng.

2. Bị đơn, ông Trần Thế T trình bày:

Ông T có quan hệ làm ăn chung với ông Lê Hải Đ, hai bên cùng góp tiền để kinh doanh hải sản để bỏ mối cho các Nhà hàng. Qúa trình làm ăn chung, ông T có đưa nhiều lần cho Đ với tổng số tiền khoảng 1.180.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình làm ăn ông T có nói Đ không làm ăn chung nữa và nói Đ hoàn trả cho số tiền ông T đã đưa cho Đ, sau đó Đ đồng ý. Vì vậy số tiền Đ chuyển cho ông T là số tiền Đ trả cho ông T tiền góp vốn, nhưng ông T chỉ nhận 750 triệu chứ không có số tiền 300 triệu mà Đ trình bày là cho ông T vay tiền mặt. Ông T xác định, giữa ông T và Đ không có quan hệ vay mượn tiền gì cả, số tiền 750 triệu Đ chuyển cho ông T không phải tiền vay, nếu Đ cho rằng là tiền vay thì đề nghị cung cấp chứng cứ chứng minh. Còn số tiền Đ cho rằng giao trực tiếp cho ông T 300 triệu thì ông T khẳng định không có, đề nghị cung cấp chứng cứ chứng minh. Ông T xác định tại Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có việc ông T thừa nhận việc vay tiền của ông Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đỗ Thị Mỹ T1 trình bày:

Bà T1 xác định không quen biết với anh Trần Thế T, không biết quan hệ vay mượn tiền giữa ông Đ và ông T. Bà T1 chỉ là người ông Đ nhờ chuyển khoản cho anh T.

Toàn bộ số tiền bà T1 chuyển khoản vào tài khoản của ông T là 750.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này là tiền của ông Đ và ông Đ nhờ bà T1 chuyển cho ông T, sau đó ông Đ đã gửi trả lại cho bà T1 đủ số tiền này rồi nên bà T1 không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Tại buổi làm việc trước bà T1 có khai là ông Đ chưa trả cho bà T1 vì bà T1 nghĩ khai vậy sẽ giúp ông Đ đòi lại tiền nhanh hơn nhưng thực tế ông Đ đã trả lại số tiền này cho bà T1 rồi.

Hiện nay bà T1 đang độc thân, chưa lập gia đình, số tiền bà T1 chuyển cho ông T là tiền riêng của bà T1, không liên quan đến ai khác và bà T1 cũng không có yêu cầu gì đối với ông T, đồng thời không có yêu cầu gì trong vụ án này.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày:

Bà Ngọc T1 xác định, toàn bộ số tiền ông Đ cho ông T vay trong vụ án này là tài sản chung của bà Ngọc T1 và ông Đ. Đối với số tiền 750.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản để chuyển cho ông T vay, là do ông Đ nhờ Mỹ T1 chuyển giúp và đã trả lại số tiền này cho Mỹ T1. Bà Ngọc T1 đồng ý với yêu cầu hiện nay của ông Đ là yêu cầu ông T trả cho bà Ngọc T1 và ông Đ số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng cho ông T vay bằng tiền mặt, bà Ngọc T1 đồng ý về việc rút yêu cầu đối với số tiền này của ông Đ.

Đến thời điểm mở phiên tòa, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới về vụ án.

Tại phiên tòa:

Ông Lê Hải Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày: Do ông Đ và bà T1 chỉ cho cá nhân ông T vay tiền, không liên quan đến vợ ông T nên ông Đ và bà T1 chỉ yêu cầu cá nhân ông Trần Thế T trả cho ông Lê Hải Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 số tiền nợ tiền gốc đã vay là 650.000.000 đồng và không yêu cầu ông T trả tiền lãi đối với số tiền này, xin rút toàn bộ yêu cầu về tiền lãi trong vụ án này. Ông Đ và bà Ngọc T1 vẫn giữ nguyên ý kiến là xin rút yêu cầu đối với số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

Ông Trần Thế T trình bày: Ông T xác định có nhận 750.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản và số tiền này là tiền ông T cho ông Đ vay nên ông Đ chuyển trả cho ông T, chứ không phải tiền ông T vay của ông Đ, mong HĐXX xem xét. Hơn nữa, không có việc ông T trả cho ông Đ 100.000.000 đồng vì ông T không vay tiền ông Đ. Ông T xác nhận, quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án yêu cầu ông T cung cấp chứng cứ chứng minh việc làm ăn chung giữa ông Đ và ông T, chứng cứ chứng minh việc ông T đưa tiền cho ông Đ và cung cấp thông tin người làm chứng như ông T đã trình bày nhưng đến hiện nay ông T vẫn chưa cung cấp được. Đồng thời, ông T xác định vụ việc này không liên quan đến vợ ông T vì các giao dịch chỉ được thực hiện giữa ông Đ và ông T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Qúa trình giải quyết vụ án, do ông Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền chuyển khoản 750.000.000 đồng cho ông T là tiền cho ông T vay nên cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Đòi tài sản"*.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của các đương sự và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc ông Trần Thế T trả cho ông Lê Hải Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 số tiền là 650.000.000 đồng. Do ông Đ xin rút toàn bộ yêu cầu về tiền lãi trong vụ án này và xin rút yêu cầu đối với số tiền 300.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Hải Đ khởi kiện ông Trần Thế T về việc yêu cầu trả tiền cho vay nhưng ông T không thừa nhận và ông Đ cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có quan hệ vay tài sản với ông T mà chỉ có chứng cứ về việc ông T có nhận tiền của ông Đ, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Đòi tài sản". Bị đơn ông Trần Thế T hiện cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Đỗ Thị Mỹ T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Mỹ T1 theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Theo quy định của pháp luật các đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ cho Tòa án, nếu đương sự không giao nộp, hoặc nộp không đầy đủ thì phải chịu hậu quả của việc không nộp hoặc nộp không đầy đủ các chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, các đương sự xác nhận chứng cứ đã cung cấp cho Tòa lưu tại hồ sơ vụ án, không có đương sự nào cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và tất cả các đương sự xác nhận không còn chứng cứ nào khác.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền 650.000.000 đồng:

Căn cứ vào chứng cứ là Ủy nhiệm chi ngày 13-5-2022 đối với số tiền 100.000.000 đồng, Ủy nhiệm chi ngày 06-7-2022 đối với số tiền 50.000.000 đồng, Ủy nhiệm chi ngày 01-6-2022 đối với số tiền 200.000.000 đồng, Ủy nhiệm chi ngày 11-6-2022 đối với số tiền 100.000.000 đồng, Ủy nhiệm chi ngày 06-7-2022 đối với số tiền 300.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu – Phòng giao dịch Nguyễn An Ninh thể hiện nội dung "Đ chuyển"

thông qua tài khoản của bà Đỗ Thị Mỹ T1 chuyển cho ông T. Tổng số tiền qua các Ủy nhiệm chi thể hiện là 750.000.000 đồng và ông T cũng đã xác nhận đã nhận số tiền này do ông Đ gửi thông qua tài khoản của bà Mỹ T1. Tuy nhiên hiện nay, giữa ông T và ông Đ tranh chấp với nhau số tiền này là vì: Ông Đ cho rằng đây là khoản tiền ông Đ cho ông T vay, còn ông T cho rằng đây là khoản tiền ông Đ trả cho ông T vì ông T có cho ông Đ vay số tiền này bằng hình thức đưa tiền mặt trực tiếp nên đây là số tiền ông Đ trả cho ông T chứ không phải ông T vay của ông Đ.

Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông Đ và ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 119 BLDS 2015 quy định về hình thức giao dịch dân sự thì giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản.

Việc ông Đ chuyển khoản số tiền 750.000.000 đồng trên được chứng minh qua các Ủy nhiệm chi của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu – Phòng giao dịch Nguyễn An Ninh, đây là tài liệu, chứng cứ có giá trị chứng minh sự tồn tại giao dịch thực tế giữa hai bên và ông T cũng đã xác nhận đúng là ông Đ đã chuyển khoản cho ông T số tiền 750.000.000 đồng này. Tuy nhiên, ông Đ không có chứng cứ chứng minh số tiền này là tiền ông Đ cho ông T vay, không chứng minh được thực tế có thỏa thuận về giao dịch vay tiền giữa hai bên. Do đó, cần xác định giữa ông T và ông Đ có mối quan hệ quen biết, làm ăn. Trong quá trình làm ăn thì ông T có nhận của ông Đ số tiền 750.000.000 đồng (thông qua bà Mỹ T1) nên ông Đ có quyền yêu cầu ông T trả lại số tiền này theo quy định tại Điều 164 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền 750.000.000 đồng đã nhận từ ông Đ là khoản tiền ông Đ trả cho ông T trong quan hệ làm ăn, vay mượn, giao dịch cụ thể nào, ông Đ không thừa nhận nên không có cơ sở để xác định số tiền 750.000.000 đồng này là khoản tiền vay, làm ăn ông Đ trả cho ông T như trình bày của ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và bà Ngọc T1 xác nhận ông T đã trả ông Đ số tiền 100.000.000 đồng nên số tiền ông T có nghĩa vụ trả cho ông Đ và bà Ngọc T1 là 650.000.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu trả số tiền 300.000.000 đồng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đ xin rút yêu cầu này và bà Ngọc T1 đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc rút yêu cầu này của ông Đ là tự nguyện và đúng qui định pháp luật nên đình chỉ yêu cầu này của ông Đ.

[2.3] Về yêu cầu trả tiền lãi 78.000.000 đồng:

Tại phiên tòa, ông Đ xin rút yêu cầu này và bà Ngọc T1 đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc rút yêu cầu này của ông Đ là tự nguyện và đúng qui định pháp luật nên đình chỉ yêu cầu này của ông Đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 650.000.000 đồng là 30.000.000 đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.900.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164 và Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hải Đ về tranh chấp Đòi tài sản với ông Trần Thế T.

Buộc ông Trần Thế T có trách nhiệm trả cho ông Lê Hải Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 số tiền là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Lê Hải Đ về việc yêu cầu ông Trần Thế T trả số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi 78.000.000đ (Bảy mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thế T phải nộp 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Ông Lê Hải Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.900.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002043 ngày 17-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm . Đương sự vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thanh Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đắc Liệt *Vũ Xuân Miện* *Phạm Thanh Mai*